

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13
Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 48

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và theo các Giấy phép điều chỉnh của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước như sau:

<i>Giấy phép điều chỉnh số</i>	<i>Nội dung điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
32/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng	Ngày 15 tháng 8 năm 2007
147/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 330.000.000.000 đồng	Ngày 8 tháng 8 năm 2008
312/UBCK-GP	Chuyển trụ sở chính	Ngày 11 tháng 3 năm 2010
347/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 349.799.870.000 đồng	Ngày 20 tháng 8 năm 2010
57/GPĐC-UBCK	Tăng vốn điều lệ lên 700.000.000.000 đồng	Ngày 17 tháng 12 năm 2015

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 3 chi nhánh tại Hà Nội, Nha Trang và Cần Thơ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tới ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Trần Lệ Nguyên	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2015
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2015
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2015
Ông Nguyễn Thúc Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012
Bà Nguyễn Nữ Tường Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2014
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 10 năm 2014
Ông Kelly Yin Hon Wong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tới ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Oanh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2015
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2015
Ông Đào Công Thắng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tới ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hiếu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2012
Ông Nguyễn Minh Nhật	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2009
Ông Nguyễn Chí Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2013
Ông Lê Minh Hiền	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 1 năm 2007

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính là ông Nguyễn Miên Tuấn.

Người ký báo cáo tài chính của Công ty là ông Nguyễn Hiếu, chức danh Tổng Giám đốc, theo ủy quyền của ông Nguyễn Miên Tuấn tại Quyết định số 23/2012/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 10 năm 2012.

Đại hội cổ đông bất thường tổ chức ngày 28 tháng 12 năm 2015 đã bầu bổ sung Ông Trần Lê Nguyên làm Thành viên Hội đồng Quản trị và cùng ngày Hội đồng Quản trị đã bầu ông Trần Lê Nguyên làm Chủ tịch hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2012 - 2016. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đang hoàn tất các thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Trong năm 2015, Công ty đã phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần. Vốn điều lệ của Công ty là 700.000.000.000 đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 57/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 12 năm 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 4 tháng 3 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60752721/17829348

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (“Công ty”) được lập ngày 4 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Building a better
working world**

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Võ Ngọc Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2105-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 4 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.214.094.965.895	1.074.235.816.723
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	480.449.112.173	315.516.672.633
111	1. Tiền		320.449.112.173	315.516.672.633
	2. Các khoản tương đương tiền		160.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		99.911.875.543	152.792.400.716
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6	111.452.477.830	181.742.066.774
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	7	(11.540.602.287)	(28.949.666.058)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	8	498.745.262.811	470.376.364.592
131	1. Phải thu khách hàng		1.213.852.900	253.500.000
132	2. Trả trước cho người bán		551.967.902	1.633.833.400
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		517.498.346.495	456.234.065.034
138	4. Các khoản phải thu khác		8.061.486.955	33.975.665.389
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(28.580.391.441)	(21.720.699.231)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		134.988.715.368	135.550.378.782
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10.1	2.882.344.507	782.611.182
154	2. Thuế và các khoản phải thu	17	7.005.590	2.071.968
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	10.2	132.099.365.271	134.765.695.632
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		37.074.571.443	26.399.924.782
220	I. Tài sản cố định		13.696.291.370	12.852.015.745
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	10.033.518.916	8.183.558.724
222	Nguyên giá		32.455.626.481	27.298.827.961
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(22.422.107.565)	(19.115.269.237)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	3.492.615.291	4.613.299.858
228	Nguyên giá		10.124.060.628	10.124.060.628
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.631.445.337)	(5.510.760.770)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	13	170.157.163	55.157.163
260	II. Tài sản dài hạn khác		23.378.280.073	13.547.909.037
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	171.571.592
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	25.3	8.506.770.145	-
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	14	12.214.638.264	10.154.335.213
268	4. Tài sản dài hạn khác	15	2.656.871.664	3.222.002.232
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.251.169.537.338	1.100.635.741.505

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		537.615.101.996	758.174.461.507
310	I. Nợ ngắn hạn		536.993.118.996	757.517.520.507
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	155.770.100.000	284.833.623.695
312	2. Phải trả người bán		-	364.385.438
313	3. Người mua trả tiền trước		616.500.000	655.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.401.782.303	1.739.413.715
315	5. Phải trả người lao động		7.796.755	7.796.755
316	6. Chi phí phải trả	18	3.673.782.456	9.146.797.514
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	298.826.291.934	388.936.491.298
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	20	73.902.191.782	69.206.784.606
321	9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		2.794.673.766	2.627.227.486
330	II. Nợ dài hạn		621.983.000	656.941.000
333	1. Phải trả dài hạn khác		621.983.000	656.941.000
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		713.554.435.342	342.461.279.998
410	I. Vốn chủ sở hữu		713.554.435.342	342.461.279.998
411	1. Vốn cổ phần	21.1	700.000.000.000	349.799.870.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		9.240.118.792	33.476.130.000
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		2.157.158.275	2.157.158.275
419	4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		2.157.158.275	2.157.158.275
420	5. Lỗ lũy kế		-	(45.129.036.552)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.251.169.537.338	1.100.635.741.505

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
006	1. Chứng khoán lưu ký	9.261.549.640.000	8.566.360.340.000
	<i>Trong đó:</i>		
007	1.1. Chứng khoán giao dịch	4.289.230.610.000	4.066.756.950.000
008	1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	34.706.570.000	27.285.150.000
009	1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	4.240.816.180.000	4.014.783.050.000
010	1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	13.707.860.000	24.688.750.000
012	1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	41.920.670.000	41.481.430.000
014	1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	41.920.670.000	41.481.430.000
017	1.3. Chứng khoán cầm cố	2.548.439.210.000	3.590.899.670.000
018	1.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	-	6.800.000.000
019	1.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	2.548.439.210.000	3.584.099.670.000
027	1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	56.046.590.000	75.538.320.000
028	1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	4.811.000.000	-
029	1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	51.233.590.000	75.538.320.000
030	1.4.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	2.000.000	-
032	1.5. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	908.461.260.000	-
034	1.5.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	908.461.260.000	-
037	1.6. Chứng khoán chờ giao dịch	218.488.600.000	1.895.610.000
038	1.6.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	120.000
039	1.6.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	218.468.960.000	1.886.690.000
040	1.6.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	19.640.000	8.800.000

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
042	1.7. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	1.198.962.700.000	789.788.360.000
044	1.7.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	1.198.962.700.000	789.788.360.000
050	2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	361.589.940.000	159.661.510.000
	Trong đó:		
051	2.1. Chứng khoán giao dịch	349.318.950.000	156.719.710.000
052	2.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	1.509.490.000	7.570.000
053	2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	341.940.270.000	151.325.970.000
054	2.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	5.869.190.000	5.386.170.000
056	2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	3.014.400.000	2.261.400.000
058	2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	3.014.400.000	2.261.400.000
061	2.3. Chứng khoán cầm cố	6.774.250.000	-
063	2.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	6.774.250.000	-
071	2.4. Chứng khoán chờ thanh toán	2.482.340.000	680.400.000
073	2.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	2.482.340.000	680.400.000
083	3. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	49.762.510.000	50.893.950.000

Người lập:



Bà Dương Kim Chi
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 4 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B02-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu		126.457.535.744	228.608.068.452
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		37.510.171.249	63.660.414.103
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		25.735.211.449	96.379.810.614
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		2.894.352.900	7.766.820.285
01.5	Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư		3.343.636.363	6.736.665.529
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		3.854.767.770	3.887.731.769
01.9	Doanh thu khác	22	53.119.396.013	50.176.626.152
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		126.457.535.744	228.608.068.452
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	23	(70.425.683.110)	(82.623.477.613)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		56.031.852.634	145.984.590.839
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(44.332.862.618)	(41.738.538.342)
30	7. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh		11.698.990.016	104.246.052.497
31	8. Thu nhập khác		698.187.688	986.060.309
32	9. Chi phí khác		(10.922.505)	-
40	10. Lợi nhuận khác		687.265.183	986.060.309
50	11. Tổng lãi trước thuế		12.386.255.199	105.232.112.806
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	-	-
52	13. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	25.3	8.506.770.145	-
60	14. Lãi sau thuế TNDN		20.893.025.344	105.232.112.806
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	574	3.008

Người lập:



Bà Dương Kim Chi
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 4 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lãi trước thuế		12.386.255.199	105.232.112.806
02	2. Điều chỉnh cho các khoản	11,12	4.460.328.255	4.023.384.954
03	- Khấu hao tài sản cố định	7,9	(10.549.371.561)	8.103.883.371
05	- Các khoản dự phòng		(13.550.242.934)	(3.338.049.130)
06	- Lãi từ hoạt động đầu tư			
08	- Chi phí lãi vay	23	24.214.194.713	30.724.919.340
	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		16.961.163.672	144.746.251.341
09	- Tăng các khoản phải thu		(87.202.063.122)	(219.181.928.390)
10	- Giảm/(tăng) chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn		70.289.588.944	(101.159.939.698)
11	- (Giảm)/tăng các khoản phải trả		(13.293.171.872)	200.243.066.320
12	- (Tăng)/giảm các khoản chi phí trả trước		(1.928.161.733)	506.370.290
13	- Lãi vay đã trả		(24.189.709.303)	(30.684.545.702)
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.060.303.051)	(1.740.498.831)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh chứng khoán		(41.422.656.465)	(7.271.224.670)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	11,13	(5.304.603.880)	(2.636.418.799)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.550.242.934	6.338.049.130
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		8.245.639.054	3.701.630.331

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		350.200.130.000	-
33	2. Tiền vay ngắn hạn		1.505.608.477.886	4.554.657.818.284
34	3. Tiền chi trả nợ vay ngắn hạn		(1.634.672.001.581)	(4.522.096.603.589)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		221.136.606.305	32.561.214.695
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		187.959.588.894	28.991.620.356
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	56.454.900.875	27.463.280.519
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	244.414.489.769	56.454.900.875

Người lập:



Bà Dương Kim Chi
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 4 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK

VND

CHỈ TIÊU	Số đầu năm		Biến động trong năm				Số cuối năm	
	Ngày 1 tháng 1 năm 2014	Ngày 1 tháng 1 năm 2015	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn cổ phần	349.799.870.000	349.799.870.000	-	-	350.200.130.000	-	349.799.870.000	700.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	33.476.130.000	33.476.130.000	-	-	-	(24.236.011.208)	33.476.130.000	9.240.118.792
3. Quỹ dự phòng tài chính	2.157.158.275	2.157.158.275	-	-	-	-	2.157.158.275	2.157.158.275
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.157.158.275	2.157.158.275	-	-	-	-	2.157.158.275	2.157.158.275
5. Lỗ lũy kế	(150.361.149.358)	(45.129.036.552)	105.232.112.806	-	45.129.036.552	-	(45.129.036.552)	-
TỔNG CỘNG	237.229.167.192	342.461.279.998	105.232.112.806	-	395.329.166.552	(24.236.011.208)	342.461.279.998	713.554.435.342

Trong năm 2015, Công ty đã phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần. Vốn điều lệ của Công ty là 700.000.000.000 đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 57/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 12 năm 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Công ty cũng sử dụng một phần thặng dư vốn cổ phần với giá trị là 24.236.011.208 đồng để xóa lỗ lũy kế theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 4 năm 2015.

Người lập:



Bà Dương Kim Chi
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:




Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 4 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và theo các Giấy phép điều chỉnh của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước như sau:

<i>Giấy phép điều chỉnh số</i>	<i>Nội dung điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
32/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng	Ngày 15 tháng 8 năm 2007
147/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 330.000.000.000 đồng	Ngày 8 tháng 8 năm 2008
312/UBCK-GP	Chuyển trụ sở chính	Ngày 11 tháng 3 năm 2010
347/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 349.799.870.000 đồng	Ngày 20 tháng 8 năm 2010
57/GPĐC-UBCK	Tăng vốn điều lệ lên 700.000.000.000 đồng	Ngày 17 tháng 12 năm 2015

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 700.000.000.000 đồng (31/12/2014: 349.799.870.000 đồng).

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 3 chi nhánh tại Hà Nội, Nha Trang và Cần Thơ.

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 207 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 173 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành như sau:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và ngoài ra, không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi Thông tư 95/2008/TT-BTC và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ một số thay đổi như sau:

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong tất cả các lĩnh vực kinh tế có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Những thay đổi quan trọng theo Thông tư 200 bao gồm:

- ▶ Thuyết minh về thanh lý tài sản cố định:
Thu nhập khác và chi phí khác từ thanh lý tài sản cố định được trình bày bằng số thuần trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- ▶ Thuyết minh bổ sung yêu cầu cho việc trình bày các báo cáo tài chính:
 - Đầu tư tài chính: thuyết minh chi tiết các khoản đầu tư chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư đầu tư.
 - Các khoản phải thu: thuyết minh chi tiết các khoản phải thu chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư phải thu.
 - Nợ khó đòi: thuyết minh chi tiết thời gian, số tiền quá hạn, phạt vi phạm hợp đồng, lãi phạt chậm nộp và khả năng thu hồi của những khoản nợ quá hạn, nợ chưa quá hạn nhưng không có khả năng thu hồi chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư nợ khó đòi.
 - Nợ được xóa sổ: thuyết minh chi tiết theo nguyên tệ và VND các khoản nợ đã được xóa sổ trong vòng 10 năm và lý do xóa sổ.
 - Xây dựng cơ bản dở dang: thuyết minh chi tiết các khoản xây dựng cơ bản dở dang chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư xây dựng cơ bản dở dang.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

- Các khoản phải trả: thuyết minh chi tiết các khoản phải trả chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư phải trả theo nhà cung cấp và lý do quá hạn của những khoản phải trả quá hạn.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: thuyết minh các khoản chi phí chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.2 Quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán phù hợp hơn với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Thông tư quy định các nội dung liên quan đến chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và phương pháp kế toán, sổ kế toán, mẫu báo cáo tài chính, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 và thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ("Thông tư 95") ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính. Những thay đổi quan trọng trong Thông tư 210 bao gồm:

- ▶ Thay đổi trong hình thức của các báo cáo tài chính. Báo cáo thu nhập toàn diện, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và vốn ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản.
- ▶ Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay. Việc đo lường đối với mỗi loại tài sản tài chính như sau:
 - Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
 - Tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
 - Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất hiệu dụng;
 - Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất hiệu dụng.

Ngoài ra, các khoản cho vay được phân loại và trích lập dự phòng như sau:

a) Phân loại nợ

Các khoản cho vay được đánh giá, phân loại thành năm (5) nhóm theo phương pháp định lượng và định tính, cụ thể như sau:

<i>Nhóm nợ</i>	<i>Tiêu chí phân loại</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	▶ Nợ trong hạn và được đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn
Nợ cần chú ý	▶ Nợ được đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn nhưng có dấu hiệu khách hàng suy giảm khả năng trả nợ
Nợ dưới tiêu chuẩn	▶ Nợ được đánh giá không có khả năng thu hồi cả nợ gốc và lãi đúng hạn và có khả năng tổn thất
Nợ nghi ngờ	▶ Nợ được đánh giá có khả năng tổn thất cao
Nợ có khả năng mất vốn	▶ Nợ được đánh giá không có khả năng thu hồi, mất vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực (tiếp theo)

▶ Tài sản tài chính (tiếp theo)

b) Trích lập dự phòng

Dự phòng cụ thể

Dự phòng cụ thể được trích lập dựa trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm nợ như sau:

<u>Nhóm</u>	<u>Loại</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng cụ thể</u>
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng chung

Dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Công ty phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0.75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

- ▶ Quản lý tách biệt tài sản của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán, các khoản phải trả.

Công ty sẽ áp dụng khi những quy định này có hiệu lực.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền được trình bày trên bảng cân đối kế toán bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư. Tuy nhiên, các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư này sẽ được loại khỏi khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Dự phòng cho các khoản phải thu được lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu (tiếp theo)

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/(lỗ) phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nhãn hiệu hàng hóa bao gồm các chi phí để xây dựng chuỗi nhận dạng thương hiệu của Công ty.

Bản quyền bao gồm các chi phí mua bản quyền phần mềm tin học ứng dụng văn phòng và phục vụ giao dịch chứng khoán.

3.7 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm tin học	6 - 8 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	5 năm
Bản quyền	5 năm
Tài sản vô hình khác	5 năm

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm các chứng khoán thương mại. Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thực tế trên thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "*Chi phí hoạt động kinh doanh*".

3.11 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào "*Chi phí hoạt động kinh doanh*" trong năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá đóng cửa của Sở giao dịch Chứng Khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (tiếp theo)

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá mua thực tế.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Lợi ích của nhân viên

3.13.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18,00% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.13.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện

Theo Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc là tiền lương theo hợp đồng lao động, được tính bình quân của sáu tháng liền kề của người lao động trước khi thôi việc.

3.13.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15 Vốn

Vốn điều lệ

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Công ty phản ánh vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính sử dụng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra*

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh.

3.19 *Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")*

Thuế TNDN hiện hành

Tài sản thuế TNDN và thuế TNDN phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế TNDN hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải trả và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế TNDN hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế TNDN hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") (tiếp theo)

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và các tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả liên quan tới thuế TNDN được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải trả và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	51.909.102	66.397.022
Tiền gửi ngân hàng của Công ty	84.151.922.208	51.786.365.378
Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư	217.028.701.162	257.296.398.813
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Công ty	210.658.459	4.602.138.475
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	19.005.921.242	1.765.372.945
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	160.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	480.449.112.173	315.516.672.633

Nhằm mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	51.909.102	66.397.022
Tiền gửi ngân hàng	301.180.623.370	309.082.764.191
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	19.216.579.701	6.367.511.420
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	160.000.000.000	-
	<u>480.449.112.173</u>	<u>315.516.672.633</u>
<i>Trừ:</i>		
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 19)	(161.933.112.104)	(196.815.558.478)
Tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 20)	(73.874.454.300)	(62.246.133.400)
Cổ tức của nhà đầu tư	(227.056.000)	(79.880)
	<u>(236.034.622.404)</u>	<u>(259.061.771.758)</u>
TỔNG CỘNG	244.414.489.769	56.454.900.875

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Khối lượng chứng khoán thực hiện trong năm Đơn vị cổ phiếu</i>	<i>Giá trị giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND</i>
Của Công ty	15.184.546	316.937.667.570
Cổ phiếu	15.184.546	316.937.667.570
Của nhà đầu tư	1.283.823.755	19.662.283.761.320
Cổ phiếu	1.283.511.505	19.630.623.682.320
Trái phiếu	300.000	31.543.200.000
Chứng chỉ quỹ	12.250	116.879.000
TỔNG CỘNG	1.299.008.301	19.979.221.428.890

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Tình hình tăng giảm và hiện có về đầu tư chứng khoán

	<i>Năm nay</i>	<i>VND Năm trước</i>
Đầu tư ngắn hạn		
Số đầu năm	181.742.066.774	80.582.127.076
Tăng trong năm	123.335.312.905	1.238.444.643.280
Giảm trong năm	(193.624.901.849)	(1.137.284.703.582)
Số cuối năm	111.452.477.830	181.742.066.774

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn

	VND									
	Số lượng cổ phiếu		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá trị thực tế trên thị trường				Tổng giá trị thực tế trên thị trường	
					Tăng		Giảm			
31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	
Cổ phiếu niêm yết										
CTCP Mía đường Lam Sơn (LSS)	1.277.565	5	12.157.262.786	140.786	-	-	(659.177.786)	(93.286)	11.498.085.000	47.500
Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu (ACB)	434.706	41	8.262.653.850	611.525	344.524.950	19.875	-	-	8.607.178.800	631.400
Ngân Hàng TM CP Quân Đội (MBB)	500.069	43	7.250.897.219	533.010	50.110.181	30.290	-	-	7.301.007.400	563.300
Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP (KBC)	470.020	450.015	6.549.202.951	6.878.135.351	-	277.103.149	(391.940.951)	-	6.157.262.000	7.155.238.500
CTCP Vận Tải Biển VN (VOS)	576.656	6	3.373.566.060	21.060	-	16.140	(1.816.594.860)	-	1.556.971.200	37.200
Cty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre (DHC)	80.092	2	2.107.240.100	17.100	143.345.100	24.100	-	-	2.250.585.200	41.200
CTCP Phân Bón Bình Điền (BFC)	77.000	-	2.028.576.000	-	50.424.000	-	-	-	2.079.000.000	-
CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO (CTI)	80.000	-	1.619.200.000	-	-	-	(59.200.000)	-	1.560.000.000	-
CTCP Kinh Đô (KDC)	9	500.044	196.830	29.955.561.035	21.870	-	-	(5.003.365.435)	218.700	24.952.195.600
CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (KSB)	5	695.881	153.346	27.775.100.857	33.154	-	-	(5.785.261.257)	186.500	21.989.839.600
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần (VIC)	13	340.027	499.652	16.654.194.557	94.448	-	-	(434.906.657)	594.100	16.219.287.900
CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HAG)	14	400.035	294.697	8.447.026.956	-	393.746.544	(149.097)	-	145.600	8.840.773.500
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ (FPT)	18	150.001	787.879	7.435.236.634	81.521	-	-	(235.188.634)	869.400	7.200.048.000
CTCP Tasco (HUT)	31	430.040	355.058	5.882.382.800	-	224.185.200	(4.758)	-	350.300	6.106.568.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PET)	20	226.226	287.017	4.377.333.070	-	305.545.130	(21.017)	-	266.000	4.682.878.200
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (VSH)	11	234.006	145.007	3.129.863.828	30.993	29.217.172	-	-	176.000	3.159.081.000
Khác	54.428	227.652	537.979.110	8.727.881.464	91.125.704	250.143.719	(33.128.205)	(654.848.123)	595.976.609	8.323.177.060
	3.550.657	3.654.024	43.889.297.562	119.264.040.033	679.791.921	1.480.031.319	(2.960.216.674)	(12.113.663.392)	41.608.872.809	108.630.407.960

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

VND

	Số lượng cổ phiếu		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá trị thực tế trên thị trường				Tổng giá trị thực tế trên thị trường	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	Tăng		Giảm		31/12/2015	31/12/2014
					31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014		
Cổ phiếu chưa niêm yết										
CTCP Bất động sản Exim (EXIMLAND)	3.050.000	2.000.000	47.543.815.300	34.000.000.000	-	-	(3.013.815.300)	(8.000.000.000)	44.530.000.000	26.000.000.000
CTCP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú (DORUFOAM)	450.000	450.000	4.450.000.000	4.450.000.000	-	-	(2.200.000.000)	(2.200.000.000)	2.250.000.000	2.250.000.000
CTCP Kiến trúc Xây dựng Nhà Vui (NHAVUI)	360.000	670.500	4.556.027.180	8.485.603.400	-	-	(1.676.027.180)	(3.792.103.400)	2.880.000.000	4.693.500.000
CTCP XNK Thủy sản Cần Thơ (CASEAMEX)	509.238	461.895	3.933.297.000	3.933.297.000	-	-	-	(1.161.927.000)	3.933.297.000	2.771.370.000
Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam (GEX)	150.000	-	2.694.000.000	-	646.950.000	-	-	-	3.340.950.000	-
CTCP Đầu tư và Phát triển Miền Trung (CER)	132.000	132.000	2.472.272.700	2.472.272.700	-	-	(1.680.272.700)	(1.680.272.700)	792.000.000	792.000.000
CTCP Sành sứ Thủy tinh Việt Nam (SANHSUTTVN)	475.000	475.000	1.900.000.000	1.900.000.000	-	-	-	-	1.900.000.000	1.900.000.000
CTCP Bảo hiểm Hùng Vương (BHV)	-	900.000	-	7.233.604.580	-	-	-	-	-	7.233.604.580
Khác	962	266	13.768.088	3.249.061	194.686	17.842	(10.270.433)	(1.699.566)	3.692.341	1.567.337
	5.127.200	5.089.661	67.563.180.268	62.478.026.741	647.144.686	17.842	(8.580.385.613)	(16.836.002.666)	59.629.939.341	45.642.041.917
TỔNG CỘNG	8.677.857	8.743.685	111.452.477.830	181.742.066.774	1.326.936.607	1.480.049.161	(11.540.602.287)	(28.949.666.058)	101.238.812.150	154.272.449.877

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn		
Cổ phiếu niêm yết	2.960.216.674	12.113.663.392
Cổ phiếu chưa niêm yết	8.580.385.613	16.836.002.666
TỔNG CỘNG	11.540.602.287	28.949.666.058

Tình hình thay đổi dự phòng giảm giá chứng khoán trong năm như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	28.949.666.058	25.012.766.757
Tăng trong năm (Thuyết minh số 23)	2.950.929.216	27.645.783.063
Hoàn nhập trong năm (Thuyết minh số 23)	(20.359.992.987)	(23.708.883.762)
Số cuối năm	11.540.602.287	28.949.666.058

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

VND

	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Phải thu khách hàng	253.500.000	-	-	6.563.028.917	(5.602.676.017)	1.213.852.900	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	1.633.833.400	-	-	5.835.775.706	(6.917.641.204)	551.967.902	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	456.234.065.034	-	29.730.815.003	7.711.157.950.159	(7.649.893.668.698)	517.498.346.495	-	28.394.836.863	24.392.182.963
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	3.063.497.713	-	-	32.448.431.217	(31.965.150.294)	3.546.778.636	-	-	-
- Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư	33.132.280.982	-	-	4.648.913.679.314	(4.623.646.454.794)	58.399.505.502	-	-	-
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ giao dịch ký quỹ và hợp tác đầu tư (*)	364.838.286.339	-	29.730.815.003	2.979.704.408.134	(2.896.698.577.583)	447.844.116.890	-	28.394.836.863	24.392.182.963
- Phải thu Sở giao dịch chứng khoán	55.200.000.000	-	-	117.361.494	(55.309.366.027)	7.995.467	-	-	-
- Phải thu từ Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	-	-	49.974.070.000	(42.274.120.000)	7.699.950.000	-	-	-
4. Các khoản phải thu khác	33.975.665.389	-	4.188.208.478	45.474.470.016	(71.388.648.450)	8.061.486.955	-	4.188.208.478	4.188.208.478
- Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư và giao dịch ký quỹ (*)	18.280.523.301	-	2.210.000.000	7.926.076.828	(23.019.913.541)	3.186.686.588	-	2.210.000.000	2.210.000.000
- Khoản phải thu nhân viên	1.978.208.478	-	1.978.208.478	286.750	(286.750)	1.978.208.478	-	1.978.208.478	1.978.208.478
- Cổ tức	-	-	-	1.536.346.500	(1.536.346.500)	-	-	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	13.716.933.610	-	-	36.011.759.938	(46.832.101.659)	2.896.591.889	-	-	-
TỔNG CỘNG	492.097.063.823	-	33.919.023.481	7.769.031.224.798	(7.733.802.634.369)	527.325.654.252	-	32.583.045.341	28.580.391.441

(*) Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho một số khoản phải thu khó đòi về nghiệp vụ giao dịch ký quỹ, hợp tác đầu tư và khoản phải thu nhân viên. Trong đó, dự phòng phải thu khó đòi về nghiệp vụ giao dịch ký quỹ và hợp tác đầu tư được trích lập dựa trên mức chênh lệch giữa giá trị tài sản đảm bảo và khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

VND

	Ngày phát sinh	Nợ gốc	Lãi dự thu	Tài sản đảm bảo	Số dự phòng đã lập
Trần Quốc Tân	30/08/2014	10.000.000.000	2.210.000.000	-	12.210.000.000
Nguyễn Hồng Mai	31/12/2011	8.587.695.000	-	1.903.598.400	6.684.096.600
Các khách hàng khác		11.785.350.341	-	2.099.055.500	9.686.294.841
Tổng cộng		30.373.045.341	2.210.000.000	4.002.653.900	28.580.391.441

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	21.720.699.231	17.553.715.161
Số trích lập trong năm (Thuyết minh số 24)	6.859.692.210	4.166.984.070
Số cuối năm	28.580.391.441	21.720.699.231

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

10.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thi công cải tạo văn phòng	1.423.983.880	213.488.891
Chi phí mua thiết bị tin học	416.315.926	71.583.334
Trả trước tiền thuê văn phòng	259.810.000	194.994.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	782.234.701	302.544.957
TỔNG CỘNG	2.882.344.507	782.611.182

Thay đổi trong chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	782.611.182	612.678.506
Tăng trong năm	15.679.260.763	9.562.883.869
Phân bổ trong năm	(13.579.527.438)	(9.392.951.193)
Số dư cuối năm	2.882.344.507	782.611.182

10.2 Tài sản ngắn hạn khác

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	132.050.815.271	134.728.145.632
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược	48.550.000	37.550.000
TỔNG CỘNG	132.099.365.271	134.765.695.632

Bao gồm trong khoản tạm ứng cho nhân viên là khoản tạm ứng để thanh toán tiền đầu giá mua cổ phiếu theo chỉ định của nhà đầu tư với tổng số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 131.874 triệu đồng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm như sau:

	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	23.152.141.861	4.146.686.100	27.298.827.961
Mua trong năm	5.189.603.880	-	5.189.603.880
Xóa sổ trong năm	(32.805.360)	-	(32.805.360)
Số cuối năm	<u>28.308.940.381</u>	<u>4.146.686.100</u>	<u>32.455.626.481</u>
<i>Trong đó:</i>			
- Đã khấu hao hết	11.696.478.644	1.820.189.100	13.516.667.744
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	15.594.101.264	3.521.167.973	19.115.269.237
Khấu hao trong năm	2.951.894.186	387.749.502	3.339.643.688
Xóa sổ trong năm	(32.805.360)	-	(32.805.360)
Số cuối năm	<u>18.513.190.090</u>	<u>3.908.917.475</u>	<u>22.422.107.565</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>7.558.040.597</u>	<u>625.518.127</u>	<u>8.183.558.724</u>
Số cuối năm	<u>9.795.750.291</u>	<u>237.768.625</u>	<u>10.033.518.916</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm như sau:

	<i>Phần mềm tin học</i>	<i>Nhãn hiệu hàng hóa</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số đầu năm	8.349.362.903	307.500.192	964.693.751	502.503.782	10.124.060.628
Số cuối năm	8.349.362.903	307.500.192	964.693.751	502.503.782	10.124.060.628
<i>Trong đó:</i>					
- <i>Đã khấu hao hết</i>	513.193.740	307.500.192	964.693.751	167.503.782	1.952.891.465
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.860.354.745	261.375.161	964.693.751	424.337.113	5.510.760.770
Khấu hao trong năm	1.007.559.534	46.125.031	-	67.000.002	1.120.684.567
Số cuối năm	4.867.914.279	307.500.192	964.693.751	491.337.115	6.631.445.337
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	4.489.008.158	46.125.031	-	78.166.669	4.613.299.858
Số cuối năm	3.481.448.624	-	-	11.166.667	3.492.615.291

Tài sản cố định vô hình khác bao gồm các chi phí xây dựng hệ thống bảng giá điện tử và các trang thông tin điện tử hỗ trợ cung cấp thông tin cho nhà đầu tư.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

13. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Khoản mục này thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc triển khai xây dựng phần mềm quản lý nhân sự tiền lương, chi tiết như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	55.157.163	428.642.267
Tăng trong năm	115.000.000	-
Kết chuyển vào chi phí trong năm	-	(329.672.000)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(43.813.104)
Số cuối năm	170.157.163	55.157.163

14. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2.500 triệu đồng/năm với giới hạn tối đa về mức đóng góp là 20 tỷ đồng.

Biến động tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.154.335.213	8.413.836.382
Tiền nợ bổ sung	1.483.009.540	816.976.151
Tiền lãi nhận được	577.293.511	923.522.680
Số cuối năm	12.214.638.264	10.154.335.213

15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài khoản này thể hiện các khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng trụ sở chính và các chi nhánh của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Vay ngân hàng					
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam					
- Vay thấu chi phục vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1-7 ngày	10	-	23.132.280.982	Tín chấp
- Vay bổ sung vốn kinh doanh	3-6 tháng	10	-	60.000.000.000	Cổ phiếu
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín					
- Vay hạn mức phục vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1-7 ngày		-	10.000.000.000	Cổ phiếu
- Vay bổ sung vốn kinh doanh	3-6 tháng	10	-	131.701.342.713	Cổ phiếu
Nhận góp vốn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư					
Nhận từ tổ chức	1-3 tháng	9 - 9.5	74.990.100.000	60.000.000.000	Tín chấp
Phát hành trái phiếu					
Cho cá nhân	12 tháng	9	70.780.000.000		- Tín chấp
Cho tổ chức	12 tháng	9	10.000.000.000		- Tín chấp
TỔNG CỘNG			155.770.100.000	284.833.623.695	

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phát sinh trong năm</i>		<i>Số cuối năm</i>
		<i>Số phải nộp</i>	<i>Số đã nộp</i>	
Phải nộp	1.739.413.715	12.020.733.010	(12.358.364.422)	1.401.782.303
Thuế thu nhập cá nhân				
nộp hộ nhà đầu tư	1.250.491.664	9.086.284.869	(9.637.850.148)	698.926.385
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	217.194.129	2.101.062.211	(1.866.889.752)	451.366.588
Thuế giá trị gia tăng	268.909.342	452.479.132	(508.586.081)	212.802.393
Thuế nhà thầu	2.818.580	380.906.798	(345.038.441)	38.686.937
Phải thu	(2.071.968)	4.146.677	(9.080.299)	(7.005.590)
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	(2.071.968)	4.146.677	(9.080.299)	(7.005.590)
TỔNG CỘNG	1.737.341.747	12.024.879.687	(12.367.444.721)	1.394.776.713

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ lương trích bổ sung	1.200.000.000	4.800.000.000
Chi phí môi giới, phí lưu ký chứng khoán	1.018.989.375	1.061.410.942
Lãi trái phiếu, lãi vay và lãi hợp tác đầu tư phải trả	656.578.602	632.093.192
Thù lao Hội đồng Quản trị	457.775.333	1.500.000.000
Các khoản khác	340.439.146	1.153.293.380
TỔNG CỘNG	<u>3.673.782.456</u>	<u>9.146.797.514</u>

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 4)	161.933.112.104	196.815.558.478
Tiền đặt cọc của khách hàng (Thuyết minh số 28.1)	132.435.222.000	187.635.222.000
Phải trả khác	4.457.957.830	4.485.710.820
TỔNG CỘNG	<u>298.826.291.934</u>	<u>388.936.491.298</u>

Khoản tiền đặt cọc của khách hàng cho Công ty được sử dụng để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng môi giới để mua cổ phiếu của một công ty mục tiêu.

20. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đây là khoản tiền giao dịch bù trừ của các giao dịch chứng khoán chờ đến ngày thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán và các hoạt động giao dịch chứng khoán khác phải trả.

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 4)	73.874.454.300	62.246.133.400
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tự doanh của Công ty	-	4.560.000.000
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	27.737.482	2.400.651.206
TỔNG CỘNG	<u>73.902.191.782</u>	<u>69.206.784.606</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Vốn cổ phần

Chi tiết thành phần cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Trần Lệ Nguyên	24.500.000	245.000.000.000	35,00
Công ty TNHH MTV Đầu tư châu Á	10.520.013	105.200.130.000	15,03
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	3.800.000	38.000.000.000	5,43
Vũ Thị Bích Niềm	4.335.535	43.355.350.000	6,19
	43.155.548	431.555.480.000	61,65
Các cổ đông khác	26.844.452	268.444.520.000	38,35
TỔNG CỘNG	70.000.000	700.000.000.000	100,00

21.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	70.000.000	34.979.987
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	70.000.000	34.979.987
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	70.000.000	34.979.987
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	34.979.987
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	34.979.987
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	34.979.987

22. DOANH THU KHÁC

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ	38.178.996.784	26.276.917.395
Thu lãi tiền gửi	8.329.470.648	9.532.118.912
Thu lãi cho vay ứng trước	6.112.686.486	8.979.321.067
Doanh thu hoạt động tài chính khác	498.242.095	5.388.268.778
TỔNG CỘNG	53.119.396.013	50.176.626.152

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán (*)	24.436.387.672	11.652.161.655
Chi phí lãi trái phiếu, lãi vay và lãi hợp tác đầu tư	24.214.194.713	30.724.919.340
Chi phí nhân viên	19.097.108.711	19.411.375.919
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	7.036.246.421	7.025.269.421
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	4.120.408.957	4.218.024.295
Chi phí bằng tiền khác	3.276.628.905	1.731.586.510
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.979.065.269	1.987.350.686
Chi phí tư vấn tài chính	212.490.907	55.500.000
Chi phí vật liệu và công cụ lao động	511.972.120	201.337.859
Chi phí bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	500.000.000
Chi phí khác	2.950.243.206	1.179.052.627
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Thuyết minh số 7)	2.950.929.216	27.645.783.063
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Thuyết minh số 7)	(20.359.992.987)	(23.708.883.762)
TỔNG CỘNG	70.425.683.110	82.623.477.613

(*) Theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán của Bộ Tài Chính, các khoản kinh doanh hoạt động đầu tư chứng khoán khi có lãi (giá bán cao hơn giá trị sổ sách) sẽ được ghi nhận vào khoản mục doanh thu, khi lỗ (giá bán thấp hơn giá trị sổ sách) sẽ được ghi nhận vào khoản mục chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán.

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	16.176.034.680	17.010.623.734
Chi phí thuê nhà	8.851.814.000	7.651.588.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh số 9)	6.859.692.210	4.166.984.070
Chi phí thuê ngoài khác	2.703.794.521	2.834.987.322
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.481.262.986	1.706.362.268
Chi phí điện nước	1.875.373.709	1.615.363.543
Chi phí bằng tiền khác	1.371.500.302	886.915.542
Chi phí bưu chính viễn thông	1.268.905.157	1.142.625.750
Chi phí vật liệu và công cụ lao động	643.772.585	1.183.189.901
Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị	-	1.500.000.000
Chi phí khác	2.100.712.468	2.039.898.212
TỔNG CỘNG	44.332.862.618	41.738.538.342

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") 22% trên tổng lợi nhuận chịu thuế trong năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Dự phòng thuế TNDN trong năm như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lãi trước thuế	12.386.255.199	105.232.112.806
<i>Trừ:</i>		
- Thu nhập cổ tức không chịu thuế	(13.550.242.934)	(3.338.049.130)
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(833.015.930)
<i>Cộng:</i>		
- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	6.859.692.210	-
- Các khoản chi phí khác không được khấu trừ	1.091.771.726	6.673.100.000
Lãi điều chỉnh trước thuế chưa cán trừ lỗ năm trước	6.787.476.201	107.734.147.746
Lỗ các năm trước chuyển sang	(6.787.476.201)	(107.734.147.746)
Lãi tính thuế ước tính trong năm	-	-
Thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	-	-

25.2 Chuyển lỗ

Theo quy định thuế hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ đó.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản lỗ tính thuế mang sang là 42.533.850.725 VND có thể bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng đến ngày 31/12/2015	Số lỗ tính thuế không được chuyển lỗ	VND Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 31/12/2015
2008	2013	94.430.567.580	(69.753.796.869)	(24.676.770.711)	-
2011	2016	129.456.680.868	(114.521.623.947)	-	14.935.056.921
2012	2017	27.598.793.804	-	-	27.598.793.804
		251.486.042.252	(184.275.420.816)	(24.676.770.711)	42.533.850.725

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản lỗ tính thuế ước tính phát sinh trong năm 2011 và 2012 có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế TNDN trong tương lai là 42.533.850.725 đồng. Công ty dự kiến sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế để sử dụng khoản lỗ này trong tương lai và ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại là 8.506.770.145 đồng, tương ứng với thuế suất 20%.

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lãi sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	20.893.025.344	105.232.112.806
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (đơn vị)	36.419.166	34.979.987
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	574	3.008

27. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	193	173
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (đồng)		
1. Cán bộ, công nhân viên thực nhận	35.802.676.904	30.865.911.778
2. Tổng thu nhập	35.802.676.904	30.865.911.778
3. Tiền lương bình quân tháng (đồng/người)	15.458.841	14.867.973
4. Thu nhập bình quân tháng (đồng/người)	15.458.841	14.867.973

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

28.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	VND	
			<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Cổ đông lớn	Lãi tiền gửi	5.049.565.353	6.796.857.970
		Vay ngắn hạn	584.268.007.857	2.695.853.391.571
		Thanh toán vay ngắn hạn	667.400.288.839	2.636.721.110.589
		Lãi tiền vay	2.355.568.211	4.115.527.550
		Hoa hồng dịch vụ	-	5.018.304.915
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Long	Bên có liên quan với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty	Thanh lý hợp đồng ủy thác đầu tư	-	47.556.781.853
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	Bên có liên quan với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty	Thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư	-	125.000.000.000
		Chi phí lãi hợp tác đầu tư	-	5.818.055.555
			<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc			3.384.515.300	2.413.669.825

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	VND	
			<u>Phải thu/(phải trả)</u>	<u>Số cuối năm</u>
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Cổ đông lớn	Vay ngắn hạn	-	(83.132.280.982)
		Tiền gửi thanh toán	41.054.230.055	9.775.783.514
		Tiền gửi có kỳ hạn và lãi dự thu	80.100.583.333	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido (từ năm 2015)	Bên có liên quan với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty	Đặt cọc (Thuyết minh số 19)	(132.435.222.000)	



Thu

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.2 Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

	TP.HCM	Hà Nội	Nha Trang	Cần Thơ	VND Tổng cộng
Doanh thu và thu nhập khác					
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	30.403.882.457	5.467.433.433	539.468.968	1.099.386.391	37.510.171.249
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	25.735.211.449	-	-	-	25.735.211.449
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	2.250.000.000	644.352.900	-	-	2.894.352.900
- Doanh thu từ hoạt động tư vấn và đầu tư	3.148.181.818	195.454.545	-	-	3.343.636.363
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	3.851.236.220	2.144.150	643.000	744.400	3.854.767.770
- Doanh thu và thu nhập khác	47.509.602.767	4.537.622.330	504.743.258	1.265.615.346	53.817.583.701
TỔNG CỘNG	112.898.114.711	10.847.007.358	1.044.855.226	2.365.746.137	127.155.723.432
Chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp	98.703.426.587	11.677.489.513	1.598.463.929	2.790.088.204	114.769.468.233
Tổng lãi/(lỗ) trước thuế	14.194.688.124	(830.482.155)	(553.608.703)	(424.342.067)	12.386.255.199

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.3 Các cam kết thuê hoạt động và cam kết bảo lãnh cho khách hàng

Các cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng cho trụ sở chính và chi nhánh dưới hình thức thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản thanh toán tiền thuê đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Dưới 1 năm	10.141.603.000	7.008.640.464
Từ 1 đến 5 năm	27.464.434.733	24.360.436.976
Trên 5 năm	-	403.470.038
TỔNG CỘNG	37.606.037.733	31.772.547.478

Các cam kết bảo lãnh cho khách hàng

Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác với một số ngân hàng trong nước để hỗ trợ các khách hàng của Công ty vay đầu tư cổ phiếu. Theo đó, Công ty sẽ thực hiện việc quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng và có nghĩa vụ trả nợ thay cho khách hàng trong trường hợp khách hàng không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng dư nợ cho vay khách hàng theo hợp đồng hợp tác với ngân hàng là 125.430 triệu đồng.

28.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và các khoản phải thu.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả)
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản vay và các khoản phải trả.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn. Giá trị hợp lý của đầu tư tài chính ngắn hạn vào cổ phiếu niêm yết là giá thị trường của các cổ phiếu tại ngày lập báo cáo này được xác định theo quy định của Thông tư số 146/2014/TT-BTC.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ				
	Chứng khoán kinh doanh	Cho vay và phải thu	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	480.449.112.173	480.449.112.173	480.449.112.173
Đầu tư tài chính ngắn hạn	99.911.875.543	-	-	99.911.875.543	-
- Cổ phiếu niêm yết	40.929.080.888	-	-	40.929.080.888	41.608.872.809
- Cổ phiếu chưa niêm yết	58.982.794.655	-	-	58.982.794.655	(*)
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	-	496.215.086.431	-	496.215.086.431	(*)
TỔNG CỘNG	99.911.875.543	496.215.086.431	480.449.112.173	1.076.576.074.147	
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	155.770.100.000	155.770.100.000	(*)
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	73.902.191.782	73.902.191.782	73.902.191.782
Chi phí phải trả	-	-	2.016.007.123	2.016.007.123	(*)
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-	164.739.242.845	164.739.242.845	(*)
TỔNG CỘNG	-	-	396.427.541.750	396.427.541.750	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không thể xác định được do hiện nay chưa có các hướng dẫn và quy định cụ thể của Bộ Tài chính về xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

2/16

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty có phát sinh rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và nợ vay của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Phân tích về mức độ nhạy cảm với lãi suất không được thực hiện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vì các khoản vay trong năm có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 41.609.097.300 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 108.630.407.960 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 4.160.909.730 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 10.863.040.796 VND), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 4.160.909.730 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 10.863.040.796 VND).

2/11

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm hợp đồng hợp tác đầu tư và giao dịch ký quỹ.

Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Bất kỳ thời điểm nào	Đến 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	VND Tổng cộng
Số cuối năm				
Vay ngắn hạn	-	75.990.100.000	79.780.000.000	155.770.100.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	73.902.191.782	-	-	73.902.191.782
Chi phí phải trả	-	2.016.007.123	-	2.016.007.123
Các khoản phải trả, phải nộp khác	164.727.785.870	11.456.975	-	164.739.242.845
	238.629.977.652	78.017.564.098	79.780.000.000	396.427.541.750
Số đầu năm				
Vay ngắn hạn	-	271.133.623.695	13.700.000.000	284.833.623.695
Phải trả người bán	-	42.330.200	322.055.238	364.385.438
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	69.206.784.606	-	-	69.206.784.606
Chi phí phải trả	-	2.846.797.514	-	2.846.797.514
Các khoản phải trả, phải nộp khác	199.442.785.964	192.091.751.030	-	391.534.536.994
	268.649.570.570	466.114.502.439	14.022.055.238	748.786.128.247

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để tiếp tục tài trợ cho nhu cầu vốn của Công ty.

Các khoản đảm bảo

Công ty nắm giữ các chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

Người lập:



Bà Dương Kim Chi
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 4 tháng 3 năm 2016